

Bản án số: 64/2022/DS - PT

Ngày 30 - 12 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Thái

Bà Phạm Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLPT – DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXPT – DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970, (Có mặt ngày 27, vắng mặt ngày 30/12/2022);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc .

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị Tô Thị D, sinh năm 1985, (Có mặt);

2.2. Anh Vũ Minh Q, sinh năm 1983, (Có mặt ngày 27, vắng mặt ngày 30/12/2022);

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1959, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người kháng cáo: Chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và chị Tô Thị D, anh Vũ Minh Q có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng. Ngày 19/10/2018 bà cho chị D và anh Q vay số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng. Ngày 19/11/2018 bà cho chị D và anh Q vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), thỏa thuận vay thời hạn là 01 năm, lãi suất thỏa thuận miệng. Cả hai lần vay tiền chị D là người trực tiếp viết giấy vay tiền và ký tên mục người vay tiền. Các lần vay anh Q đều biết và có gọi điện thoại cho bà nói đang đi công việc làm ăn và khi về sẽ ký sau. Khi cho vay tiền bà trực tiếp đưa tiền cho chị D và chị D có nói mục đích vay tiền để vợ chồng chị kinh doanh sơn, mở công ty khoáng sản và mua thêm xe ô tô tải chở hàng. Các lần vay tiền mặc dù trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay đối với số tiền vay 750.000.000 đồng phải trả lãi là 8.000.000 đồng/tháng và đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng phải trả lãi 12.000.000 đồng/tháng.

Quá trình vay nợ, ngày 26/12/2018 chị D có chuyển vào tài khoản của bà số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trả lãi và từ đó đến nay chị D, anh Q không trả bất cứ khoản tiền nào. Do anh chị D Quyết định trốn tránh không trả nợ cho bà nên bà đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S để giải quyết. Công an huyện S giải quyết cho rằng không có hành vi phạm tội và ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự ngày 05/9/2019.

Bà xác định nguồn gốc toàn bộ số tiền cho chị D, anh Q vay là do bà và ông Kh tiết kiệm mà có. Đến thời hạn trả nợ bà đã rất nhiều lần yêu cầu chị D, anh Q phải trả nợ nhưng chị D đều khất lần vì lý do kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều người để không trả nợ. Cho đến thời điểm bà khởi kiện, chị D chỉ thanh toán cho bà số tiền lãi 5.000.000 đồng, ngoài ra không thanh toán thêm khoản tiền nào.

Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà, bà đề nghị Tòa án buộc anh chị D Quyết phải trả nợ toàn bộ số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng cho vợ chồng bà, bà tự nguyện trừ 5.000.000 đồng chị D chuyển khoản ngày 26/12/2018 vào tiền lãi và đề nghị tính tiền lãi đối với số tiền trên theo lãi suất quy định từ ngày 01/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn chị Tô Thị D trình bày: Chị và bà Th có mối quan hệ là hàng xóm. Ngày 19/10/2018 chị viết giấy vay tiền có nội dung chị vay bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Kh số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu

đồng), thời hạn vay là 06 tháng. Ngày 19/11/2018 chị viết 01 giấy vay tiền có nội dung thể hiện chị vay của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Kh số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) hạn 01 năm chị sẽ trả đầy đủ cho bà Th và ông Kh. Mục đích vay là vay để trả tiền lãi cho bà Vĩ và bà Th vì trước đó chị có vay tiền bà Vĩ và bà Th. Khi vay tiền vợ chồng chị chưa làm thủ tục ly hôn và chồng chị anh Vũ Minh Q không biết việc vay tiền cũng như việc chị sử dụng tiền vay như thế nào.

Chị xác định cả hai giấy vay tiền đều là do chị viết nội dung và ký tên. Tuy nhiên chị xác định ngày 19/10/2018 và ngày 19/11/2018 là thời điểm chị và bà Th chốt nợ với nhau số tiền vay 750.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng vì trước đó nhiều lần chị có vay tiền bà Th nhưng không nhớ cụ thể số tiền từng lần vay và cộng dồn số tiền lãi nhiều lần. Chị xác định thực tế không nhận đủ số tiền như trong giấy vay tiền mà là do cộng dồn tiền gốc và tiền lãi nhiều lần. Trong hai giấy vay tiền không thể hiện thỏa thuận về mức lãi suất tuy nhiên thực tế chị và bà Th thỏa thuận miệng là chị phải trả lãi cho bà Th 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Quá trình vay nợ chị xác nhận giữa hai bên lập rất nhiều giấy vay nợ nhưng bà Th đã hủy toàn bộ và hai bên chốt nợ tại hai giấy vay tiền nêu trên. Chị xác định đã rất nhiều lần trả tiền gốc và lãi cho bà Th với số tiền cộng dồn từ thời gian năm 2016 đến năm 2018 là khoảng hơn 2.000.000.000 đồng. Những lần trả tiền có lần chị trực tiếp trả tiền mặt (hai bên không viết giấy giao nhận); có lần chuyển khoản vào số tài khoản của bà Th (chị không nhớ cụ thể đã chuyển tiền lãi vào số tài khoản nào bà Th); có lần nhờ anh Vũ Minh Q chồng chị đi trả nợ thay (trả trực tiếp và không viết giấy giao nhận); có lần nhờ em gái chồng là chị Vũ Trần Đặng Minh Nh trả nợ thay (trả trực tiếp không viết giấy giao nhận, tuy nhiên khi trả tiền có gặp chị Khổng Thị Th đến trả nợ và chị Thúy có biết việc chị Nhàn trả nợ thay cho chị). Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc trả nợ tiền vay cho bà Th.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu chị và anh Q phải trả nợ cho bà Th tổng số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật thì chị đồng ý sẽ trả nợ số tiền gốc 1.750.000.000 đồng xin trả dần hàng tháng theo khả năng kinh tế của chị và không đồng ý trả lãi vì trước đó đã trả lãi rất nhiều lần. Hiện nay chị và anh Q đã ly hôn nên anh Q không liên quan đến khoản vay giữa chị với bà Th.

Bị đơn anh Vũ Minh Q trình bày: Anh và chị D ly hôn năm 2020 và có mối quan hệ là hàng xóm với bà Nguyễn Thị Th. Tại thời điểm năm 2018 vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Anh không biết chị D vay tiền bà Th số tiền bao nhiêu và vào thời gian nào cũng như vay tiền để sử dụng vào mục đích gì. Khoảng cuối năm 2018 khi chị D bị vỡ nợ thì anh mới biết việc chị D có vay tiền bà Th và bản thân anh có đến nhà bà Th để

trả nợ tiền lãi. Lý do anh trả tiền lãi cho bà Th vì anh xác định chị D bị vỡ nợ , anh đi làm kinh tế thì vợ chồng phải có trách nhiệm với nhau. Tuy nhiên anh không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả lãi cho bà Th. Khi bà Th tố cáo chị D vay tiền không trả thì anh có đến công an huyện S để làm việc. Nay bà Th khởi kiện đề nghị anh và chị D phải trả nợ cho bà Th tổng số tiền gốc là 1.750.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định thì anh không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Kh trình bày: Ông là chồng bà Th, ông xác định số tiền bà Th cho chị D và anh Q vay là tài sản chung của vợ chồng ông tiết kiệm được. Nay bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Q và chị D phải trả nợ cho vợ chồng ông số tiền vay và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ thì ông đồng ý. Do điều kiện công việc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người làm chứng bà Dương Thị V tại phiên tòa trình bày: Bà có quen biết với bà Th do bà Th công tác tại trường tiểu học Quang Yên gần nhà bà. Việc bà Th có cho chị D, anh Q vay tiền bà có được biết. Trước đây bà cũng có cho chị D, anh Q vay tiền để kinh doanh sơn tại xã Vân Hội, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người làm chứng chị Không Thị Th trình bày: Chị có quen biết xã hội với chị D. Khoảng thời gian từ năm 2017 - 2018 chị đến trả nợ cho bà Th nhiều lần có gặp chị D và em cô là của chị D đến trả lãi cho bà Th tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468; Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Buộc chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Kh số tiền vay là 2.384.100.000 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi tư triệu một trăm nghìn đồng). trong đó nợ gốc là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 31/8/2022 (ngày xét xử) là 634.100.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tư triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản

tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra quyết định còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, chị Tô Thị D có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 14/9/2022, anh Vũ Minh Q kháng cáo với nội dung anh không đồng ý trả nợ cho bà Th vì anh không biết việc vay nợ giữa chị D và bà Th.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu và có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S; chị D, anh Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q trong hạn luật định; chị D, anh Q đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

2. Xét kháng cáo của chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về nội dung vụ án:

Chị Tô Thị D viết và ký tên vào 02 giấy vay tiền, cụ thể ngày 19/10/2018 viết giấy vay bà Nguyễn Thị Th số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), không ghi lãi suất và hạn sau 6 tháng trả nợ; ngày 19/11/2018 viết giấy vay bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), không ghi lãi suất và hạn thời gian trả nợ là 01 năm. Tuy nhiên, chị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận nên bà Th khởi kiện yêu cầu chị Tô Thị D, anh Vũ Minh Q có trách nhiệm trả nợ cho bà và ông Kh số tiền nợ gốc 1.750.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử. Bị đơn chị Tô Thị D thừa nhận có viết và ký tên vào 02 giấy nhận nợ nêu trên; tuy nhiên, do trước đó chị có vay tiền bà Th để chữa bệnh cho mẹ đẻ với lãi cao nên ngày 19/10/2018 và ngày 19/11/2018 hai bên chốt nợ với nhau, cộng dồn lãi vào nên mới viết 02 giấy nhận nợ chứ thực tế chị không được nhận số tiền như đã ghi trong giấy. Ngoài lời khai, chị Tô Thị D không xuất trình tài liệu chứng cứ về việc không được nhận số tiền vay 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) nên không có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình vay nợ, bà Th khai chị D đã trả cho bà số tiền lãi 5.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản, ngoài ra chưa trả được khoản tiền nào khác. Chị Dung khai đã nhiều lần trả lãi cho bà Th với tổng số tiền khoảng hơn 2 tỷ đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ nào xuất trình cho Tòa án, do vậy lời khai của chị D là không có căn cứ, không được chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Th tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị trả dần hàng tháng nhưng yêu cầu trả dần của chị D không được bà Th chấp nhận.

2.2. Xét kháng cáo của chị Tô Thị D về việc cho rằng chị đã trả lãi cho bà Th nhiều lần, và trả tiền gốc 1.000.000.000 đồng nhưng bà Th không hủy giấy vay nợ mà chỉnh sửa giấy vay nợ này để đi khởi kiện bà, hiện chị chỉ còn nợ bà Th số tiền gốc là 750.000.000 đồng. Xét thấy, việc chị D trình bày đã trả lãi nhiều lần cho bà Th và trả 1.000.000.000 tỷ đồng tiền gốc nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả tiền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm chị D thừa nhận chị viết giấy vay tiền 750.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Chị đồng ý về mặt pháp luật chị còn nợ bà Th 1.750.000.000 đồng nhưng chị xin trả dần bà Th và không tính lãi. Tuy nhiên bà Th không đồng ý cho chị trả dần và không đồng ý miễn lãi cho chị D. Do đó, kháng cáo của chị D không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D xuất trình 03 giấy chuyển khoản và cho rằng chị đã trả cho bà Th 3 khoản lãi với tổng số tiền 50.500.000 đồng theo 03 phiếu chuyển tiền ngày 30/8/2018 (số tiền 35.500.000 đồng), ngày 18/9/2018 (số tiền 10.000.000 đồng) và 26/12/2018 (số tiền 5.000.000 đồng). Tuy nhiên bà Th khẳng định chỉ có khoản tiền 5.000.000 đồng liên quan đến giấy vay nợ ngày 19/10/2018 và 19/11/2018, còn phiếu chuyển tiền ngày 30/8/2018 và ngày 18/9/2018 là chị D trả các khoản nợ trước đó. Căn cứ thời gian ghi trong giấy vay tiền và chứng từ giao dịch, Hội đồng xét xử thấy thời gian giao dịch chuyển tiền ngày 30/8/2018 và 18/9/2018 của chị D cho bà Th là trước thời điểm xác lập giao dịch vay tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Th nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao dịch ngày 26/12/2018 chị D chuyển 5.000.000 đồng cho bà Th và đã đối trừ khoản tiền trên là có căn cứ. Do đó, việc chị D cho rằng đã trả cho bà Th số tiền 50.500.000 đồng là không có căn cứ.

2.3. Xét nội dung anh Vũ Minh Q và chị D kháng cáo cho rằng khoản vay không liên quan đến anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Quyết và chị D ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2020. Thời điểm chị D vay nợ bà Th là năm 2018, do vậy tại thời điểm vay nợ, anh Q và chị D vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng. Cả anh Q và chị D đều khai khoản tiền vay này anh Q không biết và

không có liên quan. Tuy nhiên, khoản tiền chị D vay nợ bà Th 1.750.000.000 đồng là số tiền lớn; tại thời điểm vay tiền vợ chồng chị D, anh Q vẫn chung sống và tồn tại quan hệ hôn nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Q và chị D thừa nhận thời điểm chị D viết giấy vay nợ bà Th thì tình cảm vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Đồng thời, anh Q khai thời điểm đó anh làm nghề lái xe taxi ở Hà Nội, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng chỉ đủ lo cho bản thân ăn uống và thuê nhà ở Hà Nội; còn chị D kinh doanh sơn tại nhà, mọi sinh hoạt, chi tiêu, kinh tế và lo cho con cái học hành đều do chị D lo liệu. Đồng thời anh Q thừa nhận sau khi chị D vay nợ thì anh có thay chị D đi trả lãi cho nhiều người trong đó có cả bà Th. Do vậy có đủ căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ cho bà Th là nghĩa vụ chung của chị D, anh Q theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D đề nghị xác định tuổi mục của giấy vay tiền để xác định việc sửa “2017” thành “2018” có cùng 1 ngày không, tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa, chị D thừa nhận chị là người viết giấy vay tiền và có quyền chỉnh sửa vào giấy vay tiền trên nên việc giám định tuổi mục để xác định việc sửa “2017” thành “2018” có cùng ngày viết giấy vay tiền hay không là không cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do khi ly hôn, chị D, anh Q chưa yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc cả chị D, anh Q có nghĩa vụ trả nợ cho bà Th là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của chị D, anh Q về việc khoản vay bà Th không liên quan đến anh Q không được chấp nhận.

2.4. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa đúng theo Hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019, việc tuyên chưa đúng trên của Tòa án cấp sơ thẩm chưa gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, do đó cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D, anh Q, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Chị Dung và anh Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Buộc chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn Kh số tiền 2.384.100.000 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi tư triệu một trăm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 31/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 634.100.000 đồng (sáu trăm ba mươi tư triệu một trăm nghìn đồng) theo các giấy vay tiền ngày 19/10/2018 và ngày 19/11/2018.

Kể từ ngày 01/9/2022 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, Tô Thị D và anh Vũ Minh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q phải chịu 79.682.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Tô Thị D và anh Vũ Minh Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền chị D, anh Q mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002528 ngày 09/9/2022 và biên lai số 0002529 ngày 14/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trả lại bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002368 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà